TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/DS-PT
Ngày: 26/01/2021
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Tấn Hoàng;

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thái Lan và bà Vũ Ngọc Hà;

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Thúy An, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên;

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên:*** Ông Nguyễn Hùng Việt- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 83/2020/TLPT-DS ngày 15 tháng 10 năm 2020 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 58/2020/DS-ST ngày 07 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 129/2020/QĐ-PT ngày 25 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Vợ chồng bà Võ Thị Hồng Ph, sinh năm 1978; Nơi cư trú: Khu phố **B**, phường Y, thị xã SC, tỉnh Phú Yên và ông Đỗ Minh Th, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Thôn N, xã T, thị xã SC, tỉnh Phú Yên. Đều có mặt.

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Phan Thị Thúy K, sinh năm 1977; Nơi cư trú: Số nhà 109 đường Trần Hưng Đ, phường 1, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Địa chỉ liên lạc: Số nhà 14/8 đường Lê Thành Ph, phường 8, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Ủy quyền cho ông Nguyễn Hương Q; Nơi cư trú: Số nhà 03 đường Mậu Thân, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

3. Người kháng cáo: Bị đơn Huỳnh Phan Thị Thúy K.

4. Người kháng nghị: Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 07/3/2020, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên toà nguyên

đơn vợ chồng bà Võ Thị Hồng Ph và ông Đỗ Minh Th trình bày: Ngày 10/3/2015 vợ chồng bà có cho bà Huỳnh Phan Thị Thúy K vay 395.000.000 đồng, nhưng bà K không trả nên nguyên đơn khởi kiện ra tòa. Ngày 31/3/2020 bà K trả được 200.000.000 đồng tiền gốc, tiền nợ gốc còn lại là 195.000.000 đồng, nên yêu cầu bà K phải trả nợ gốc còn lại kèm theo tiền lãi 10%/năm trên khoản tiền vay tính từ ngày 10/3/2015 đến nay.

Tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa bà Huỳnh Phan Thị Thúy K ủy quyền cho ông Nguyễn Hương Q trình bày: Bà K thừa nhận ngày 10/3/2015 có vay của nguyên đơn 395.000.000 đồng, đến ngày 31/3/2020 bà K trả được 200.000.000 đồng, nên bà Ph có viết giấy thỏa thuận cho bà K trả 195.000.000 đồng còn lại trước khi định cư sang Hoa Kỳ và cũng không phải tính lãi, nên bà K không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 58/2020/DS-ST ngày 07 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 471, 477 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357, 466, 468, 688 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Huỳnh Phan Thị Thúy K phải trả cho vợ chồng bà Võ Thị Hồng Ph, ông Đỗ Minh Th số tiền 195.000.000đ nợ gốc và 204.379.165đ tiền lãi theo giấy mượn tiền đề ngày 10/3/2015.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quy định thi hành án và thời hạn kháng cáo của đương sự.

Ngày 18/8/2020, bị đơn bà Huỳnh Phan Thị Thúy K kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 21/8/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T kháng nghị 1 phần bản án sơ thẩm số 58/2020/DS-ST ngày 07 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T về phần tính lãi.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm của Thẩm phán, HĐXX và những người tham gia tố tụng là đúng quy định. Về nội dung: Căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS đề nghị HĐXX sửa 1 phần bản án sơ thẩm phần tính lãi cụ thể: Lãi suất

10%/năm tính từ 10/3 đến 31/3/2020 trên số tiền 395.000.000 đồng; Lãi suất 10%/năm tính từ 01/4/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm trên số tiền 195.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các bên đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hợp đồng vay lập ngày 10/3/2015: Hai bên đương sự đều thống nhất bà Huỳnh Phan Thị Thúy K có vay của vợ chồng Võ Thị Hồng Ph, Đỗ Minh Th 395.000.000 đồng không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nợ, đến ngày 31/3/2020 bị đơn có trả cho nguyên đơn 200.000.000 đồng nợ gốc nên chỉ còn lại nợ gốc là 195.000.000 đồng. Do đó buộc bị đơn trả cho nguyên đơn 195.000.000 đồng tiền gốc theo hợp đồng vay lập ngày 10/3/2015 là phù hợp.

[2] Về yêu cầu tính lãi: Hai bên xác lập hợp đồng vay tiền từ ngày 10/3/2015, do bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên ngày 12/11/2015 vợ chồng bà Võ Thị Hồng Ph khởi kiện bà Huỳnh Phan Thị Thúy K tại Tòa án nhân dân thành phố T, nhưng sau đó bà Ph tự nguyện rút đơn khởi kiện để hai bên thỏa thuận giải quyết. Do không thương lượng được nên ngày 10/3/2020 bà Ph có đơn khởi kiện tiếp tục đến Tòa án nhân dân thành phố T, đến ngày 31/3/2020 bị đơn trả nợ gốc cho nguyên đơn 200.000.000 đồng còn lại số tiền gốc chưa trả là 195.000.000 đồng. Theo *"Giấy mượn tiền ngày 10/3/2015"* hai bên không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nợ do đó theo khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự 2015 "*Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn, không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho nhau một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*". Ngày 12/11/2015, nguyên đơn bà Ph có đơn khởi kiện bà K tại Tòa án nhân dân thành phố T đối với hợp đồng vay tiền ngày 10/3/2015, nhưng sau đó bà Ph tự nguyện rút đơn khởi kiện, hai bên tiến hành thỏa thuận lại nhưng không được nên nguyên đơn tiếp tục khởi kiện vào ngày 10/3/2020 tại Tòa án nhân dân thành phố T, sau đó bị đơn tự nguyện trả cho nguyên đơn 200.000.000 đồng tiền gốc còn lại 195.000.000 đồng gốc. Do đó cần xác định lại việc tính lãi suất như Kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T là có căn cứ, thời gian được tính từ ngày 10/3/2020 đến ngày 31/3/2020 trên số tiền 395.000.000 đồng, thời gian tính từ ngày 01/4/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm trên khoản tiền còn lại chưa trả 195.000.000 đồng là phù hợp.

Theo khoản 1 Điều 5 nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp

luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm: *"Hợp đồng không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả nợ không đủ theo yêu cầu cho bên vay, tòa xác định bên vay phải trả tiền lãi trên nợ gốc theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015".* Do đó lãi suất được tính cụ thể như sau:

Từ ngày 10/3/2020 đến 31/3/2020: nợ gốc 395.000.000 đồng. Lãi: 22 ngày x 395.000.000đ x 10%/năm = 2.381.000 đồng.

Từ ngày 01/4/2020 đến 07/8/2020: nợ gốc 195.000.000 đồng. Lãi: 04 tháng 07 ngày (129 ngày) x 195.000.000đ x 10%/năm = 6.892.000 đồng.

Tổng lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn: 9.273.000 đồng.

Từ những căn cứ như trên, cần chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T và kháng cáo của bị đơn, sửa 1 phần bản án sơ thẩm về lãi suất.

[3] Về án phí: các đương sự chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T và kháng cáo của bà Huỳnh Phan Thị Thúy K, sửa 01 phần bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468, 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của vợ chồng bà Võ Thị Hồng Ph và ông Đỗ Minh Th theo đơn khởi kiện ngày 07/3/2020.

Buộc bà Huỳnh Phan Thị Thúy K phải trả cho vợ chồng bà Võ Thị Hồng Ph, ông Đỗ Minh Th số tiền 204.273.000đ (Hai trăm lẻ bốn triệu hai trăm bảy mươi ba nghìn đồng), trong đó tiền gốc 195.000.000 đồng, lãi 9.273.000 đồng về khoản vay tài sản.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí:

Bị đơn bà Huỳnh Phan Thị Thúy K phải chịu 10.214.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; Đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm tại biên lai thu tiền số

0001696 ngày 09/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, nên còn phải nộp số tiền 9.914.000đ (Chín triệu chín trăm mười bốn nghìn đồng).

Hoàn lại cho vợ chồng bà Võ Thị Hồng Ph, ông Đỗ Minh Th số tiền 13.850.000đ (Mười ba triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu tiền số 0001293 ngày 10/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- TAND Tp. T;
- TANDCC tại Đà Nẵng;
- Chi cục THADS Tp. T;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Tấn Hoàng